

1. Lãi suất

Trong nền kinh tế thị trường tồn tại nhiều phạm trù kinh tế tài chính, trong đó tín dụng và lãi suất tín dụng là một trong những phạm trù quan trọng. Hoạt động tín dụng là hoạt động vay mượn, quan hệ sử dụng vốn giữa người đi vay và người cho vay theo nguyên tắc có hoàn trả. Nhờ có hoạt động tín dụng mà một bộ phận lớn vốn của xã hội dưới dạng hiện kim hoặc hiện vật được vận động từ nơi tạm thời dư thừa sang nơi thiếu để đáp ứng các nhu cầu khác nhau của các chủ thể trong nền kinh tế.

Đối với chủ thể "thừa" vốn, tín dụng tạo cho họ cơ hội không những bảo tồn mà còn có thêm thu nhập (thu lãi). Đối với các chủ thể "thiếu" vốn - tín dụng giúp cho họ bổ sung vốn để đáp ứng các nhu cầu sản xuất, kinh doanh hoặc đời sống.

Công cụ và đòn bẩy quan trọng không thể thiếu được cho hoạt động tín dụng chính là lãi suất tín dụng. Chính nhờ lãi suất tín dụng tác động đến lợi ích của các chủ thể mà các quan hệ tín dụng được xác lập và vận động. Nếu không có lãi suất tín dụng, hoặc có nhưng không hợp lý thì nó sẽ triệt tiêu các quan hệ tín dụng, làm giảm đi vai trò tích cực vốn có của tín dụng đối với sự phát triển của nền kinh tế.

Như vậy, lãi suất tín dụng, như nhiều người nói là giá cả của tín dụng, là tỷ lệ phần trăm tính theo một thời hạn xác định (ngày, tuần, tháng, quý, năm...) dùng làm căn cứ để tính toán số lợi tức tín dụng mà các chủ thể tín dụng phải trả (đối với chủ thể đi vay) hoặc nhận được (đối với chủ thể cho vay) để điều hòa các lợi ích kinh tế giữa các chủ thể tham gia quan hệ tín dụng. Vậy mức lãi suất ấy phải là bao nhiêu mới là hợp lý?

Marx trong lý luận về tư bản cho vay đã khẳng định rằng: tiền không đẻ ra tiền, tiền chỉ có thể đẻ ra tiền một khi tiền được đưa vào sử dụng để sản xuất, lưu thông hàng hóa", ông khẳng định lợi tức tín dụng (tiền lãi) là một bộ phận của lợi nhuận mà người đi vay tạo ra trong sản xuất kinh doanh nhờ sử dụng vốn tín dụng, và phân phối lại cho người cho vay dưới hình thức lợi tức. Lập luận này cho phép ta khẳng định giới hạn tối đa của lãi suất nói chung là tỷ suất lợi nhuận bình quân của nền kinh tế, còn giới hạn tối thiểu của lãi suất chính là chỉ số lạm phát (inflation index), bởi vì nó

sẽ làm cho người gửi ít nhất cũng bảo toàn được vốn. Tóm lại để lãi suất tín dụng trở thành đòn bẩy kích thích và mở rộng các quan hệ tín dụng trong nền kinh tế thì phải đảm bảo lãi suất tín dụng phải được kiểm soát trong khung giới hạn sau đây:

Tỷ lệ lạm phát $\leq$ Lãi suất tín dụng $\leq$ Tỷ suất lợi nhuận bình quân.

VẤN ĐỀ TỰ DO HÓA LÃI SUẤT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. NGUYỄN ĐĂNG DỒN

Vượt quá giới hạn trên, lãi suất tín dụng nói riêng và tín dụng nói chung sẽ gây tác động tiêu cực đối với nền kinh tế xã hội, hệ thống ngân hàng sẽ rơi vào tình trạng bất ổn rồi loạn.

2. Lãi suất cơ bản

Như tên gọi của nó, lãi suất cơ bản là lãi suất có tác dụng chi phối tất cả các loại lãi suất khác hình thành trong nền kinh tế thị trường, đó là loại lãi suất chiếm vị trí quan trọng trong cơ chế thị trường nói chung và trong cơ chế thị trường có điều kiện như ở nước ta hiện nay.

Lãi suất cơ bản do ngân hàng trung ương xác định và công bố trên cơ sở tình hình thực tế và mục tiêu của chính sách tiền tệ quốc gia.

Khoản 12 điều 9 của Luật ngân hàng nhà nước VN (Luật số 01/1997/QH10) đã chỉ rõ:

"Lãi suất cơ bản là lãi suất do Ngân hàng nhà nước công bố làm cơ sở cho các tổ chức tín dụng ấn định lãi suất kinh doanh".

Trong thực tế khi trao đổi về lãi suất cơ bản, có quan điểm cho rằng lãi suất cơ bản là một khái niệm rộng bao gồm nhiều lãi suất cơ bản khác nhau như: lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu; lãi suất thị trường liên ngân hàng; lãi suất cho vay tối đa; lãi suất tiền gửi tối thiểu v.v...

Chúng tôi cho rằng, nói đến lãi suất cơ bản, trước hết là nói đến sự chi phối, sự tác động một cách rõ ràng và dứt khoát đến các loại lãi suất khác; không đóng vai trò tác động chi phối rõ rệt như vậy thì chưa phải là lãi suất cơ bản. Tính chất "cơ bản" của lãi suất cơ bản theo tôi, thể hiện qua các điểm sau đây:

Thứ nhất: lãi suất cơ bản là lãi suất do ngân hàng trung ương xác

định và công bố, mang ý nghĩa chủ quan, thể hiện ý chí của chủ thể quản lý, chứ không tự hình thành trên thị trường tiền tệ như các loại lãi suất khác.

Thứ hai: khi lãi suất cơ bản đã được xác định và công bố, nó sẽ trở thành yếu tố có tính bắt buộc mà các ngân hàng thương mại, ngân hàng

đầu tư, ngân hàng phát triển và các loại hình tổ chức tín dụng khác phải tuân thủ mà không có một sự lựa chọn nào khác, bất kể lãi suất cơ bản đó có được xác định một cách hợp lý hay không.

Thứ ba: lãi suất cơ bản là lãi suất tác động một cách trực diện đến các lãi suất trên thị

trường, do đó nó được sử dụng như một công cụ quan trọng để điều hành chính sách tiền tệ quốc gia.

Trên tinh thần đó, chúng tôi cho rằng lãi suất cơ bản là lãi suất được ấn định trực tiếp theo ý đồ chủ quan của cơ quan chức năng (ngân hàng trung ương) dưới nhiều góc độ khác nhau.

- Chẳng hạn nếu muốn bảo vệ lợi ích cho người gửi tiền, ngân hàng trung ương sẽ ấn định lãi tiền gửi tối thiểu.

- Nếu muốn bảo vệ lợi ích cho người đi vay (các doanh nghiệp các tổ chức kinh tế...) ngân hàng trung ương sẽ ấn định lãi suất cho vay tối đa.

- Nếu muốn bảo vệ lợi ích cho các ngân hàng, nhằm tạo an toàn cho hệ thống ngân hàng, ngân hàng trung ương sẽ ấn định lãi suất tiền gửi tối đa và lãi suất cho vay tối thiểu.

Những cách ấn định lãi suất cơ bản nói trên cho thấy tác động của lãi suất cơ bản đối với các lãi suất trên thị trường là rất rõ: các ngân hàng, các tổ chức tín dụng chỉ được phép ấn định lãi suất kinh doanh trong giới hạn được phép của lãi suất cơ bản. Chúng ta chưa có điều kiện để bàn luận cái hay, cái ưu việt cũng như cái dở, cái bất cập của lãi suất cơ bản: nhưng chúng ta có thể khẳng định một cách dứt khoát rằng: với việc ấn định và công bố lãi suất cơ bản, Ngân hàng nhà nước chúng ta mình là một bộ máy kinh tế tài chính tổng hợp, được quyền sử dụng các công cụ tài chính, trong đó lãi suất là một trong những công cụ rất quan trọng để tác động trực tiếp lên toàn bộ cơ chế vận hành của hệ thống tín dụng ngân hàng nhằm đạt được những mục tiêu cụ thể nhất định trong từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế - xã hội.

Hiện nay ở nước ta, Ngân hàng

nhà nước đang ấn định trần lãi suất cho vay (lãi suất cho vay tối đa) là 0,85%/tháng, với trần lãi suất cho vay tối đa, tất cả các loại lãi suất kinh doanh của các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác gồm lãi suất tiền gửi, lãi suất tiết kiệm, lãi suất cho vay...đều không được phép vượt quá lãi suất trần đó. Nghĩa là trong giới hạn từ 0,85%/ tháng trở xuống các ngân hàng sẽ công bố lãi suất kinh doanh của mình, để áp dụng trong nghiệp vụ huy động vốn và cấp tín dụng cho các đơn vị, các tổ chức kinh tế. Như vậy chúng tôi rằng trần lãi suất cho vay do Ngân hàng nhà nước công bố đóng vai trò là lãi suất cơ bản ở nước ta hiện nay.

3. Vấn đề tự do hóa lãi suất ở VN hiện nay

Về cơ chế điều hành lãi suất mà VN, cũng như các nước đã làm, bao gồm 3 phương pháp:

Phương pháp 1: Nhà nước quản lý trực tiếp lãi suất bằng cách công bố tất cả các loại lãi suất, chúng tôi gọi là cơ chế ấn định lãi suất.

Các ngân hàng và các tổ chức tín dụng đều phải thực hiện một cách tuyệt đối - cơ chế này đã tồn tại ở VN trong thời kỳ nền kinh tế kế hoạch tập trung.

Phương pháp 2: Nhà nước không ấn định các mức lãi suất, mà chỉ quy định các mức lãi suất tối đa gọi là lãi suất trần (interest rate caps) mức lãi suất tối thiểu (gọi là lãi suất sàn - interest rate floor) tạo thành khung giới hạn để trong đó các ngân hàng, các tổ chức tín dụng xác định lãi suất kinh doanh.

Chúng tôi gọi đây là cơ chế không chế lãi suất.

Phương pháp này không hoàn toàn cứng nhắc như phương pháp 1, nhưng vẫn giữ được vai trò điều hành lãi suất của nhà nước.

Ở nước ta từ 1992 đến đầu 1996 đã áp dụng phương pháp này. Cụ thể là NHNN quy định lãi suất tối đa và lãi suất tối thiểu nhưng đến đầu năm 1996 NHNN chỉ quy định lãi suất tối đa, không quy định lãi suất tối thiểu, đồng thời quy định mức chênh lệch giữa lãi suất cho vay bình quân và lãi suất tiền gửi bình quân là 0,35%/tháng. Sau đó đến đầu năm 1998 NHNN bãi bỏ quy định chênh lệch này và chỉ quy định lãi suất tối đa cho đến nay.

Phương pháp 3: Nhà nước không ấn định các mức lãi suất, đồng thời cũng không khống chế lãi suất, mà để cho lãi suất tự hình thành theo cơ chế thị trường, các ngân hàng được quyền xác định và công bố lãi suất kinh doanh để đem áp dụng trong việc huy động vốn và cho vay. Chúng tôi gọi đây là cơ chế tự do hóa lãi suất. Vậy tự do hóa lãi suất là gì?

Tự do hóa lãi suất là để cho lãi

suất hình thành trên thị trường trên cơ sở: (1) cung cầu về vốn; (2) mức tiết kiệm; (3) thu nhập và chi tiêu của cá nhân và những nhân tố khác.

Trong cơ chế tự do hóa lãi suất, nếu nhà nước hoàn toàn không can thiệp đến hệ thống lãi suất thị trường thì đó là cơ chế tự do hóa hoàn toàn (thả nổi hoàn toàn). Nếu nhà nước có tham gia can thiệp gián tiếp theo một định hướng xác định thì đó là cơ chế tự do hóa lãi suất có quản lý. Tự do hóa lãi suất được coi là hạt nhân của tự do hóa tài chính trong đó bãi bỏ hoặc làm giảm bớt sự kiểm soát của nhà nước về hạn mức tín dụng và lãi suất, với trọng tâm là tự do hóa lãi suất sẽ làm cho các luồng tài chính đối nội lưu thông thông suốt.

Để tự do hóa lãi suất, theo tôi cần có những điều kiện sau:

(1) Môi trường kinh tế vĩ mô đã ổn định và khá chắc chắn.

(2) Hành lang pháp lý đã tương đối đồng bộ và hoàn chỉnh.

(3) Hệ thống ngân hàng ổn định, hoạt động hữu hiệu.

(4) Thị trường tài chính (bao gồm thị trường tiền tệ và thị trường chứng khoán) đã hình thành và đã vận hành có hiệu quả.

(5) Các nguồn lực trong nước đã được phân phối và sử dụng hợp lý.

(6) Các tổ chức kinh tế đều đảm bảo khả năng sử dụng vốn triệt để, có hiệu quả.

Tôi cho rằng quan điểm của Đảng ta về việc phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN, là quan điểm cơ bản xuyên suốt trong các cơ chế quản lý kinh tế - tài chính của chúng ta. Đồng thời với chính sách mở cửa nền kinh tế, xu hướng hội nhập và toàn cầu hóa trở nên cần thiết để chúng ta đẩy nhanh tốc độ phát triển nền kinh tế - xã hội.

Trong điều kiện và bối cảnh đó, vấn đề tự do hóa tài chính nói chung và vấn đề tự do hóa lãi suất nói riêng ở VN là một xu thế tất yếu hoàn toàn phù hợp với chính sách của Đảng và nhà nước.

Tuy nhiên cần thấy rằng, nếu duy trì cơ chế ấn định hoặc không chế lãi suất cứng nhắc sẽ hạn chế hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng, tiết kiệm và đầu tư sẽ suy giảm, kim hãm sự tăng trưởng. Ngược lại nếu thực hiện cơ chế tự do hóa lãi suất hoàn toàn cũng sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng khó lường - cạnh tranh giữa các ngân hàng sẽ gia tăng, các ngân hàng vừa và nhỏ khó tránh khỏi bị thua lỗ phá sản.

Vì vậy tôi cho rằng: thực hiện cơ chế tự do hóa lãi suất ở VN là cần thiết, nhưng cần phải tiến hành một cách thận trọng, có cân nhắc, tránh

nóng vội để có thể loại bỏ được những tác động tiêu cực của nó đối với nền kinh tế xã hội.

Về vấn đề này, chúng tôi có 2 nhận định cơ bản sau đây:

Một là, quá trình tự do hóa lãi suất và hội nhập phải là một quá trình chuyển đổi từng bước để không gây tác động đột biến. Tôi cho rằng chúng ta đã và đang làm được điều đó, thể hiện qua việc chuyển đổi cơ chế điều hành lãi suất, đặc biệt năm 1999 đã điều chỉnh lãi suất nhiều lần. Tuy tác dụng của các đợt điều chỉnh lãi suất đó chưa hoàn toàn tốt (thậm chí có ảnh hưởng xấu) nhưng đó là cần thiết để sẵn sàng bước vào cơ chế tự do hóa lãi suất.

Hai là; các điều kiện thực hiện tự do hóa lãi suất ở VN, theo tôi là chưa đầy đủ (chưa chủ động kiểm soát lạm phát, tốc độ tăng GDP chưa thật ổn định, ngân sách còn mất cân đối, hệ thống ngân hàng còn bộc lộ những yếu kém...) vì vậy chúng ta chưa thể hiện thực hiện cơ chế tự do hóa lãi suất ngay bây giờ được.

Ngân hàng nhà nước cần tiếp tục không chế lãi suất bằng cách quy định trần lãi suất cho vay như hiện nay, nhưng cần điều chỉnh lại (không nhất thiết phải giảm trần lãi suất cho ngang bằng với mặt bằng lãi suất ở các nước) một cách hợp lý để giải quyết hài hòa lợi ích của người gửi tiền (có thu nhập thích đáng) lợi ích của người đi vay (có lợi nhuận nhưng không sinh ra tình trạng sử dụng vốn tùy tiện, thiếu cân nhắc) vì lợi ích của toàn hệ thống ngân hàng (ổn định hoạt động có hiệu quả).

Khi các điều kiện đã hội đủ, chúng ta sẽ chuyển sang cơ chế tự do hóa lãi suất nhưng không phải là cơ chế tự do hoàn toàn. Ngân hàng nhà nước với tư cách là người điều hành chính sách tiền tệ quốc gia sẽ sử dụng các lãi suất tái chiết khấu, lãi suất tái cấp vốn để tham gia điều chỉnh gián tiếp các mức lãi suất thị trường nhằm phát huy vai trò của lãi suất với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội.

Tự do hóa lãi suất là một xu thế để góp phần thúc đẩy hội nhập, nhưng bước đi và cách làm thì phải thận trọng và hợp lý mới có thể mang lại kết quả như mong muốn.

Tóm lại, trong điều kiện hiện nay ở VN cần áp dụng cơ chế lãi suất linh hoạt trên cơ sở lãi suất cơ bản (lãi suất trần) do Ngân hàng nhà nước VN công bố một cách hợp lý. Và khi các điều kiện đã thỏa mãn chúng ta sẽ chuyển sang cơ chế tự do hóa lãi suất nhưng vẫn có sự điều tiết gián tiếp của Ngân hàng nhà nước VN để đảm bảo giữ vững "định hướng" cho hoạt động của hệ thống tài chính ngân hàng VN. Tôi cho rằng đó chính là định hướng điều hành lãi suất ở nước ta hiện nay■